

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái Đất; Chuyên ngành: Địa lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN AN THỊNH

2. Ngày tháng năm sinh: 18/03/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 4, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912300314; E-mail: anthinhhus@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2002 đến 2004: Trợ giảng tại Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.
- Từ năm 2002 đến 2007: Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Năm 2005: Học giả trao đổi tại Đại học Osaka, Nhật Bản.
- Từ năm 2009 đến 2010: Nghiên cứu sau tiến sỹ tại Đại học Kookmin, Hàn Quốc.
- Từ năm 2004 đến tháng 4/2015: Giảng viên cơ hữu tại Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Phó chủ nhiệm bộ môn Sinh thái cảnh quan và Môi trường (từ tháng 10/2010).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- *Từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2018:* Giảng viên cơ hữu tại Khoa Quản lý đất đai, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Phó giám đốc phụ trách, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi toàn cầu (từ tháng 6/2016 đến tháng 10/2017); Phó Viện trưởng phụ trách Viện Nghiên cứu Tài nguyên và Biến đổi khí hậu (từ tháng 11/2017 đến tháng 9/2018).
- *Từ tháng 10/2018 đến nay:* Giảng viên cơ hữu tại Khoa Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Phó trưởng khoa Kinh tế phát triển (tháng 02/2019 - tháng 01/2020); Phó trưởng khoa phụ trách khoa Kinh tế phát triển (tháng 02/2020 - tháng 4/2020); Trưởng khoa Kinh tế phát triển (từ tháng 5/2020).

Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa; *Chức vụ cao nhất đã qua:* Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.37547506

Thỉnh giảng tại các cơ sở giáo dục đại học:

- *Học viện Ngoại giao:* giảng dạy học phần “Địa lý kinh tế thế giới và Việt Nam” (bậc đại học).
- *Trường Đại học Xây dựng:* giảng dạy học phần “Ứng dụng viễn thám và GIS trong quy hoạch” (bậc sau đại học).
- *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội:* giảng dạy học phần “Sinh thái cảnh quan” (bậc sau đại học).
- *Trường Đại học Quy Nhơn:* giảng dạy học phần “Các phương pháp đánh giá trong địa lý” (bậc sau đại học).
- *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn:* giảng dạy học phần “Kinh tế học đại cương” (bậc đại học)
- *Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN:* giảng dạy học phần “Thiết kế nghiên cứu” (bậc sau đại học)
- *Đại học Kookmin, Hàn Quốc:* giảng dạy chuyên đề “Applied geographic information system” (bậc sau đại học).
- *Trường Đại học kinh tế Cracow, Ba Lan:* giảng dạy chuyên đề “Development Economics” (bậc đại học).

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 25 tháng 6 năm 2002; số văn bằng: QC 007222; ngành: **Địa lý**, chuyên ngành: **Sinh thái cảnh quan và Môi trường**; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam.
- Được cấp bằng tiến sỹ ngày 07 tháng 5 năm 2008; số văn bằng: QT 000274; ngành: **Địa lý**; chuyên ngành: **Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường** (nay là Quản lý Tài nguyên và Môi trường); Nơi cấp bằng tiến sỹ: ĐHQGHN, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh:

Phó giáo sư, ngày 20 tháng 01 năm 2015, ngành: Khoa học Trái Đất.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

- Khoa học Trái Đất - Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Cảnh quan học và sinh thái cảnh quan: Ứng viên phụ trách giảng dạy các học phần “*Cơ sở sinh thái cảnh quan*” (bậc đại học, tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN), “*Sinh thái học cảnh quan*” (bậc sau đại học, tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), “*Sinh thái cảnh quan và môi trường di sản*” (bậc sau đại học, Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN); hướng dẫn thành công 05 nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo hướng cảnh quan học và sinh thái cảnh quan (kê ở mục 4); biên soạn 08 cuốn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (sách số 2, 3, 4, 5, 6, 11, 13, 18 kê ở mục 5); chủ trì và thư ký khoa học 10 đề tài khoa học công nghệ các cấp liên quan tới chuyên môn Sinh thái cảnh quan (đề tài số 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10, 13, 15, 16 kê ở mục 6); công bố 04 bài báo ISI (bài báo số 1, 7, 21, 23 kê ở mục 7.1.a), 04 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác và các chương sách đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature (bài báo số 1, 8, 10, 11 kê ở mục 7.1.b), 26 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế và chương sách xuất bản trong nước có mã số xuất bản ISSN/ISBN (bài báo số 2, 3, 6, 7, 9, 13, 16, 20, 21, 22, 23, 24, 32, 34, 35, 41, 45, 46, 47, 48, 51, 53, 54, 55, 60, 61 kê ở mục 7.1.c) liên quan tới hướng nghiên cứu này.
- Địa lý định lượng: Ứng viên phụ trách giảng dạy các học phần “*Các phương pháp đánh giá trong địa lý*” (bậc sau đại học, tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN và Trường Đại học Quy Nhơn), “*Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý đất đai*” (bậc sau đại học, tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường); biên soạn 06 cuốn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (sách số 1, 7, 9, 10, 12, 14 kê ở mục 5); chủ trì và thư ký khoa học 05 đề tài khoa học công nghệ các cấp liên quan tới chuyên môn địa lý định lượng (đề tài số 2, 5, 6, 7, 14 kê ở mục 6); công bố 14 bài báo ISI (bài báo số 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 22, 24, 25 kê ở mục 7.1.a), 06 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác và các chương sách đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature (bài báo số 1, 3, 5, 9, 12, 13 kê ở mục 7.1.b), 18 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế và chương sách xuất bản trong nước có mã số xuất bản ISSN/ISBN (bài báo số 4, 5, 11, 12, 14, 18, 26, 28, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 43, 52, 56 kê ở mục 7.1.c) liên quan tới hướng nghiên cứu này.
- Lượng giá kinh tế: Ứng viên phụ trách giảng dạy các học phần “*Kinh tế môi trường*”, “*Kinh tế học biến đổi khí hậu*” (bậc đại học, tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN);

biên soạn 05 cuốn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (sách số 8, 9, 10, 15, 16 kê ở mục 5); chủ trì và thư ký khoa học 03 đề tài khoa học công nghệ các cấp liên quan tới chuyên môn lượng giá kinh tế (đề tài số 11, 13, 14 kê ở mục 6); công bố 03 bài báo ISI (bài báo số 4, 8, 17 kê ở mục 7.1.a), 02 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác và các chương sách đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature (bài báo số 14, 15 kê ở mục 7.1.b), 01 báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia có mã số xuất bản ISSN/ISBN (bài báo số 49 kê ở mục 7.1.c) liên quan tới hướng nghiên cứu này.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 NCS bảo vệ thành công luận án và nhận bằng TS (02 hướng dẫn chính, 03 hướng dẫn phụ).
- Đã chủ trì và hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp nhà nước (đề tài NAFOSTED) (sau khi được công nhận học hàm PGS); 05 đề tài cấp ĐHQGHN; 02 đề tài cấp cơ sở; 03 đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước; 03 đề tài hợp tác quốc tế (Hàn Quốc, Nhật Bản và CHLB Đức tài trợ kinh phí).
- Đã công bố 25 bài báo quốc tế trên tạp chí ISI (bao gồm 20 bài ISI Q1, 04 bài ISI Q2 và 01 bài ISI Q3); 05 bài báo trên các tạp chí quốc tế có phản biện khác; 09 chương sách đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature; 63 bài báo/báo cáo khoa học/chương sách trên các tạp chí khoa học trong nước, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế và sách xuất bản trong nước có mã số xuất bản ISSN/ISBN.
- Đã biên soạn 18 cuốn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (13 cuốn tiếng Việt và 05 cuốn tiếng Anh), trong đó đồng chủ biên 03 cuốn sách do nhà xuất bản quốc tế uy tín Springer Nature ấn hành.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 13/01/2022: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021 (Quyết định số 232/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
- 28/2/2022: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đăng ký sở hữu trí tuệ năm 2021 (Quyết định số 469/QĐ-ĐHQGHN của Giám đốc ĐHQGHN).
- 12/01/2021: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đăng ký sở hữu trí tuệ năm 2020 (Quyết định số 63/QĐ-ĐHQGHN của Giám đốc ĐHQGHN).
- 12/01/2021: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đăng ký sở hữu trí tuệ năm 2019 (Quyết định số 62/QĐ-ĐHQGHN của Giám đốc ĐHQGHN).
- 20/10/2020: Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho giảng viên đạt thành tích xuất sắc năm học 2019-2020 (Quyết định số 2858/QĐ-ĐHQGHN của Giám đốc ĐHQGHN).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- 2014: Giải thưởng sách hay, sách đẹp Việt Nam của Hội xuất bản Việt Nam.
- Các năm 2010, 2011, 2013, 2015, 2019, 2020 và 2021: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc ĐHQGHN, Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố HCM cho giảng viên có thành tích hướng dẫn/đồng hướng dẫn các nhóm sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba cấp Bộ, cấp ĐHQGHN, VIFOTEC và EURÉKA giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học”:
 - Sinh viên Vũ Hồng Lê (K50 Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN) đạt giải Nhất giải thưởng SVNCKH cấp ĐHQGHN, giải Nhất cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, giải Nhất VIFOTEC năm 2010 (đồng hướng dẫn).
 - Sinh viên Đoàn Thị Hạ (K52 Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN) đạt giải Nhì giải thưởng SVNCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2011 (đồng hướng dẫn).
 - Nhóm sinh viên Bùi Thanh Phong (K54 Địa lý CLC) và Trần Thị Hồng Nhung (K54 Quản lý đất đai) (Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN) đạt giải Ba giải thưởng SVNCKH cấp ĐHQGHN năm 2013 (đồng hướng dẫn).
 - Nhóm sinh viên Lê Thị Kim Anh, Bùi Mai Hương, Đỗ Ngọc Mai (K56 Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN) đạt giải Nhì giải thưởng SVNCKH cấp ĐHQGHN năm 2015 (đồng hướng dẫn).
 - Nhóm sinh viên Vũ Linh Chi, Trần Thu Xuân, Phạm Thị Phương (K61 Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN) đạt giải Nhất giải thưởng SVNCKH cấp Trường Đại học Kinh tế, giải Nhì cấp ĐHQGHN, giải Ba cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, giải Ba VIFOTEC, giải Ba EURÉKA khối ngành Kinh tế học năm 2019 (đồng hướng dẫn).
 - Nhóm sinh viên Nguyễn Thúy Nga, Phạm Thị Hà Giang (K62 Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN) đạt giải Nhất giải thưởng SVNCKH cấp Trường Đại học Kinh tế, giải Ba cấp ĐHQGHN, giải Ba cấp ĐHQGHN, giải Nhì EURÉKA khối ngành Kinh tế học năm 2020 (đồng hướng dẫn).
 - Nhóm sinh viên Phùng Thị Châm, Nguyễn Thị Hà My, Lương Thị Tươi (K64 Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN) đạt giải Nhất giải thưởng SVNCKH cấp Trường Đại học Kinh tế năm 2022, đã được đề xét giải thưởng ở các cấp cao hơn (đồng hướng dẫn).

16. Kỹ luật: *không*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Theo các tiêu chuẩn của Nhà giáo quy định trong Luật Giáo dục, tôi thấy mình đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn đó với những ý kiến tự đánh giá như sau:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị đúng đắn, tinh thần hợp tác khoa học với các đồng nghiệp, có ý thức rèn luyện và tự rèn luyện, đề cao tính trung thực, khách quan trong giảng dạy và nghiên cứu.

- Tôi đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn tại các trường đại học; được thực tập, trao đổi khoa học, hợp tác nghiên cứu nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Về nghiệp vụ tôi đã được đào tạo cơ bản qua các bậc đào tạo từ đại học (hệ đào tạo cử nhân chất lượng cao), tiến sỹ (tại ĐHQGHN) và sau tiến sỹ (tại Hàn Quốc); đồng thời, luôn tự đào tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu khi thực hiện các công trình nghiên cứu hay thông qua các buổi thảo luận, hội thảo, thuyết trình về những vấn đề nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt học thuật, bảo vệ đề tài khoa học. Đặc biệt để phục vụ cho công tác giảng dạy đại học và sau đại học, tôi đã luôn tự trao đổi, bổ sung kiến thức, đặc biệt là những kiến thức khoa học hiện đại cập nhật, các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, các tác giả trong và ngoài nước. Kể từ thời điểm được bổ nhiệm chức danh PGS, tôi đã có đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế, hợp tác quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo mà tôi phụ trách.

- Bản thân tôi có sức khỏe tốt có thể đáp ứng hoàn toàn việc tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn thực tập thực tế, nghiên cứu khoa học và làm các công việc khác của của nhà giáo theo yêu cầu của nghề nghiệp.

- Tôi có lý lịch bản thân rõ ràng.

Sau nhiều năm làm công tác nghiên cứu, bản thân tôi đã thu nhận và đúc kết được nhiều kinh nghiệm nghiên cứu cũng như đã nâng cao được kiến thức khoa học chuyên ngành cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Vì sự nghiệp phát triển sự nghiệp giáo dục của đất nước, bản thân tôi luôn có mong muốn được truyền đạt những kiến thức đã có của mình, các kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu được tích lũy nhiều năm cho các thế hệ tiếp sau của đất nước. Tôi tự thấy mình có khả năng giảng dạy, tinh thần hăng hái, nhiệt tình và trách nhiệm, tham gia hiệu quả vào công tác giảng dạy, hướng dẫn các thế hệ sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

Qua 19 năm tham gia công tác đào tạo, tôi tự đánh giá đã luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của Nhà giáo như quy định trong Luật Giáo dục:

- Thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN và Nhà trường.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ, các quy định của Nhà trường.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học và của cơ sở đào tạo.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ công dân theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **19 năm** (từ tháng 4/2004 đến tháng 6/2022)

- Chi tiết thời lượng tham gia đào tạo của ứng viên trong 03 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp đại học đã hướng dẫn	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	0	93	105	198/389,4/210,4
2	2020-2021	0	0	1	1	60	120	180/286/189
3	2021-2022	2	0	4	1	114	45	159/194,4/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài

- Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước

- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEFL)

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy học phần “*Economics of Sustainable Development*” bằng tiếng Anh cho sinh viên đại học chuyên ngành Kinh tế phát triển, hệ chất lượng cao tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

- Giảng dạy chuyên đề “*Applied Geographic Information System*” bằng tiếng Anh cho học viên cao học tại Đại học Kookmin (Hàn Quốc).

- Giảng dạy chuyên đề “*Development Economics*” bằng tiếng Anh cho sinh viên đại học tại Trường Đại học kinh tế Cracow (Ba Lan).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- TOEFL 523 điểm.

- Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học “*Phương pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh*” do Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN cấp (năm 2016).

4. Hướng dẫn NCS (đã được cấp bằng)

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Tuyền	×			×	2014-2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	15/12/2016
2	Phạm Thị Trâm	×			×	2013-2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	15/12/2016
3	Hoàng Quốc Lâm	×		×		2015-2019	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	25/12/2019
4	Ngô Quang Dự	×		×		2016-2020	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện HLKHCNVN	07/9/2020
5	Trần Hữu Long	×			×	2016-2021	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện HLKHCNVN	08/1/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Ứng viên đã biên soạn và xuất bản 18 cuốn sách khoa học phục vụ công tác giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN và các cơ sở đào tạo khác, trong đó có 04 cuốn trước khi được phong chức danh PGS (từ 2012 đến 2014) và 14 cuốn kể từ khi được phong chức danh PGS (từ 2015); chủ biên/đồng chủ biên 15 cuốn sách; 05 cuốn sách được biên soạn bằng tiếng Anh, trong đó có 03 cuốn được xuất bản bởi NXB quốc tế có uy tín là Springer Nature (ứng viên đồng chủ biên 03 cuốn Springer).

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	A New Approach to Landscape Change Modeling: Integrating Remote Sensing, GIS and Fractal Analysis	CK	NXB Thế giới, 2012	07	Nguyễn An Thịnh	Biên soạn chương 1 (1-44), chương 2 (45-62), chương 3 (63-84), chương 4 (85-166), chương 5 (167-177),	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành,

						chương 6 (209-218), chương 7 (233-292). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	ĐHQGHN; Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
2	Sinh thái cảnh quan: lý luận và ứng dụng thực tiễn trong môi trường nhiệt đới gió mùa	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2013	01	Nguyễn An Thịnh	Biên soạn và biên tập toàn bộ cuốn sách (1-1040)	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN; Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
3	Động lực biến đổi, đa dạng cảnh quan và đa dạng nhân văn lãnh thổ miền núi: một trường hợp nghiên cứu sinh thái cảnh quan tại lãnh thổ Sa Pa, tỉnh Lào Cai	CK	NXB Thế giới, 2014	01	Nguyễn An Thịnh	Biên soạn và biên tập toàn bộ cuốn sách (1-220)	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN; Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
4	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong kiến trúc cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất bền vững	TK	NXB Xây dựng, 2014	01	Nguyễn An Thịnh	Biên soạn và biên tập toàn bộ cuốn sách (1-130)	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN; Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
II Sau khi được công nhận PGS							
5	Giáo trình quy hoạch sử dụng đất bền vững	GT	NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam, 2016	04	Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn	Biên soạn chương 4 (115-134)	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

6	Cảnh quan di sản văn hóa trong vùng đô thị hóa (những thách thức đương đại cho tính bền vững của đô thị Hà Nội)	CK	NXB Khoa học Xã hội, 2018	03	Phạm Thị Trâm	Biên soạn chương 1 (11-40), chương 7 (207-224) và chương 8 (225-244)	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
7	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý đất đai	GT	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2018	02	Nguyễn An Thịnh	Biên soạn chương 1 (12-46), chương 2 (47-69), chương 3 (70-88), chương 7 (133-148), chương 8 (149-181), chương 9 (182-212). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
8	Lượng giá kinh tế rủi ro do thiên tai xói lở tại các cảnh quan cửa sông ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2018	02	Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn An Thịnh	Biên soạn chương 1 (10-60), chương 2 (61-91), chương 3 (92-122), chương 5 (137-167), chương 6 (168-179). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
9	Human ecology of climate change hazards in Vietnam: risk for nature and humans in lowland and upland	CK	Springer Nature, 2019	02	Nguyen An Thịnh, Luc Hens	Biên soạn chương 1 (3-36), chương 2 (37-62), chương 3 (63-80), chương 4 (81-94), chương 5 (95-108), chương 6 (109-124), chương 7 (125-143). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
10	Kinh tế và quản lý an ninh nguồn nước	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020	04	Nguyễn Trúc Lê, Nguyễn An Thịnh	Biên soạn chương 1 (13-48), chương 2 (49-65), chương 3 (66-100), chương 4 (101-122), chương 5 (123-138). Biên	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

						tập toàn bộ cuốn sách.	
11	Quy hoạch không gian tổng hợp quản lý xung đột môi trường vùng bờ (tiếp cận phân tích địa lý và chính sách)	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020	02	Hoàng Quốc Lâm, Nguyễn An Thịnh	Biên soạn chương 1 (15-42), chương 4 (101-122), chương 6 (137-156), chương 8 (167-188). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
12	Hệ thống tin địa lý (GIS) ứng dụng trong khoa học xã hội và nhân văn	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	02	Nguyễn An Thịnh, Nguyễn Văn Hồng	Biên soạn chương 1 (14-25), chương 9 (94-116), chương 13 (172-189), chương 14 (190-200), chương 15 (201-213), chương 16 (214-245), chương 17 (246-260). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
13	Các khu rừng đặc dụng Việt Nam	TK	NXB Nông nghiệp, 2021	06	Trần Nho Đạt	Biên soạn phần “Các Vườn Quốc gia” (20-123). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
14	Sustainable Tourism and Its Environmental and Human Ecological Effects	CK	MDPI, 2021	02	Luc Hens, An Thịnh Nguyen	Biên soạn chương 1 (1-20). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
15	Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies: Proceedings of EDESUS 2019, Vol 1.	CK	Springer Nature, 2022	02	Nguyen An Thịnh, Luc Hens	Biên soạn chương 1 (1-20), chương 20 (273-282), chương 34 (487-494). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

16	Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies: Proceedings of EDESUS 2019, Vol 2.	CK	Springer Nature, 2022	02	Nguyen An Thinh, Luc Hens	Biên soạn chương 6 (89-104), chương 7 (105-118), chương 20 (315-332), chương 33 (529-536), chương 34 (537-546), chương 41 (645-658), chương 51 (805-816). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
17	Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	02	Nguyễn An Thinh, Phạm Thu Thủy	Biên soạn chương 1 (17-43), chương 2 (44-59), chương 3 (60-69), chương 21 (479-511), chương 35 (876-919). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
18	Những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2022	05	Nguyễn An Thinh	Biên soạn chương 1 (15-68), chương 2 (69-105), chương 3 (106-170), chương 5 (208-254). Biên tập toàn bộ cuốn sách.	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN; Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

(Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).)

Trong đó: 03 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới Springer xuất bản mà ứng viên là đồng chủ biên sau PGS [sách mã số 9, 15, 16 kê khai trong mục 5].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Nghiên cứu hiện trạng lớp phủ thực vật huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	CN	TN.05.18, đề tài NCKH cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2005	24/02/2006 (Tốt)

2	Xây dựng mô hình định lượng phân loại cảnh quan đô thị và nông thôn (đối sánh cảnh quan nông thôn Hoàng Liên Sơn với cảnh quan đô thị đồng bằng châu thổ sông Hồng)	CN	QT.06.29, đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	27/4/2007 (Tốt)
3	Nghiên cứu đánh giá không gian mở phục vụ quản lý bền vững cảnh quan đô thị thành phố Hà Nội	CN	QT.07.38, đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	20/3/2008 (Tốt)
4	Quy hoạch bảo vệ môi trường khu vực Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020	CN	QT.08.32, đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	04/3/2009 (Tốt)
5	Nghiên cứu biến động và đề xuất giải pháp phát triển rừng ngập mặn khu vực Phù Long - Gia Luận, đảo Cát Bà - Hải Phòng	CN	QT.09.46, đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	11/8/2009 (Tốt)
6	Land use change modelling based on Remote Sensing, GIS and Fractal analysis: a case study of Vietnamese coastal zone	CN	International Cooperation project, supported by Korean Foundation for Advanced Studies (KFAS), Korea	2009-2010	10/8/2010 (Tốt)
7	Phân tích biến đổi cảnh quan và môi trường đô thị khu vực trung tâm huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	CN	TN.11.23, đề tài NCKH cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2011	30/5/2012 (Tốt)
8	Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên các huyện đảo ven bờ Việt Nam cho các mục đích thực tiễn.	Chủ trì đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước	Đề tài NCKH cấp Nhà nước “Đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên, kinh tế - xã hội; thiết lập cơ sở khoa học và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho một số huyện đảo”, Chương trình KHCN Biên, mã số KC 09.20.	2005	5/11/2005 (Tốt)
9	Cơ sở lý luận đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an	Chủ trì đề tài nhánh đề tài cấp	Đề tài NCKH độc lập cấp Nhà nước “Nghiên cứu đề xuất các mô hình	2010	20/8/2010 (Tốt)

	ninh quốc phòng dải ven biển và các đảo Việt Nam	Nhà nước	<i>phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho một số khu vực ven biển đảo ven bờ biển Việt Nam</i> ”, mã số ĐTĐL.08G/04		
10	Xác lập mô hình kinh tế sinh thái phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	Chủ trì đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước	Đề tài NCKH cấp Nhà nước “ <i>Nghiên cứu đánh giá tổng hợp nguồn lực tự nhiên, biến động sử dụng tài nguyên và xác lập các mô hình kinh tế sinh thái bền vững cho một số vùng địa lý trọng điểm khu vực Tây Nguyên</i> ”, mã số TN3/T03, chương trình Tây Nguyên 3	2013	26/12/2013 (Tốt)
II Sau khi được công nhận PGS					
11	Đánh giá tác động và lượng giá thiệt hại của thiên tai do biến đổi khí hậu tới biến đổi sử dụng đất, di dân và sinh kế của cư dân tại các xã ven biển huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	CN	QGTĐ.13.10, đề tài KH&CN trọng điểm, nhóm A cấp ĐHQGHN	2013-2016	26/5/2016 (Tốt)
12	Preliminary research on ICH safeguarding and disaster risk management in the Asia-Pacific region	CN	Viện Nghiên cứu di sản văn hóa Nhật Bản (IRCI)	2016-2017	2017/Tốt
13	Nghiên cứu đa dạng cảnh quan và lượng giá cảnh quan cho sử dụng hợp lý tài nguyên tại vùng núi phía Bắc Việt Nam: nghiên cứu mẫu tại huyện Bắc Hà (tỉnh Lào Cai) và huyện Văn Chấn (tỉnh Yên Bái)	CN	105.07-2015.04, đề tài NCCB trong KHTN, NAFOSTED	2016-2019	10/12/2021 (Đạt)
14	Nghiên cứu đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch tài nguyên nước: áp dụng thử nghiệm trên lưu vực sông Đồng Nai	TK	BĐKH.12/16-20, đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Chương trình KH&CN cấp quốc gia về tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2016-2019	30/12/2019 (Đạt)

15	Nghiên cứu các vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	TK	CTDT.39.18/16-20, đề tài NCKH cấp nhà nước, Chương trình KH&CN cấp quốc gia “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, Ủy ban dân tộc.	2018-2020	27/12/2020 (Tốt)
16	Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học rừng và các dịch vụ hệ sinh thái tại Việt Nam	CN	18.2021, Tổ chức Hợp tác Quốc tế CHLB Đức (GIZ)	2021	09/9/2021 (Đạt)

(Trong đó: Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

a) Các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế ISI

Ứng viên đã công bố **25** bài báo ISI, trong đó có 01 bài trước khi được phong chức danh PGS (từ 2008 đến 2014) và 24 bài kể từ khi được phong chức danh PGS (từ 2015). Trong 25 bài báo ISI/SCOPUS, có **20** bài được đăng trên các tạp chí ISI Q1, **04** bài trên các tạp chí ISI Q2 và **01** bài trên tạp chí Q3.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS								
1	Changing human-landscape interactions after development of tourism in the northern Vietnamese Highlands	5	không	Anthropocene/ 2213-3054	ISI (3,964, Q1)	31	5, 42-51	2014
II Sau khi được công nhận PGS								
2	Ranking the priority of marine economic	4	có	Environmental Management	ISI (1,357, Q3)	0	VI(2, 12)	2015

	activities in small islands based on FUZZY AHP: comparing decision of local residents and authorities in Cu Lao Bo Bai Island, Central Vietnam			and Tourism/ 2068-7729				
3	Impacts of climate change on agro-ecological landscapes in the coastal area of the Thai Binh province (Vietnam) using the Delphi technique	14	không	International Journal of Climate Change Strategies and Management/ 1756-8692	ISI (2,645, Q1)	17	7(2), 222- 239	2015
4	Human ecological effects of tropical storms in the coastal area of Ky Anh (Ha Tinh, Vietnam)	14	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	16	19(2): 745- 767	2016
5	How do local communities adapt to climate changes along heavily damaged coasts? A Stakeholder Delphi study in Ky Anh (Central Vietnam)	5	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	19	20, 749- 767	2018
6	Multicriteria Evaluation of Tourism Potential in the Central Highlands of Vietnam: Combining Geographic Information System (GIS), Analytic Hierarchy Process (AHP) and Principal	4	có	Sustainability/ 2071-1050	ISI (3,251, Q1)	39	10(9), 3097	2018

	Component Analysis (PCA)							
7	Toward a sustainable city of tomorrow: a hybrid Markov-Cellular Automata modeling for urban landscape evolution in the Hanoi city (Vietnam) during 1990-2030	9	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	24	21, 429-446	2019
8	Tourism and beach erosion: valuing the damage of beach erosion for tourism in the Hoi An World Heritage site, Vietnam	4	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	32	21, 2113-2124	2019
9	Farmers' Intention to Climate Change Adaptation in Agriculture in the Red River Delta Biosphere Reserve (Vietnam): A Combination of Structural Equation Modeling (SEM) and Protection Motivation Theory (PMT)	11	có	Sustainability/ 2071-1050	ISI (3,251, Q1)	22	2019, 11, 2993	2019
10	A Hybrid Approach Using Fuzzy AHP-TOPSIS: Assessing Environmental Conflicts in the Titan Mining Industry along Central Coast Vietnam	10	có	Applied Sciences/ 2076-3417	ISI (2,679, Q2)	17	2019, 9, 2930	2019

11	A Hybrid Approach Using GIS-Based Fuzzy AHP-TOPSIS: Assessing Flood Hazards along the South-Central Coast of Vietnam	11	có	Applied Sciences/ 2076-3417	ISI (2,679, Q2)	7	2020, 10(20), 7142	2020
12	Hierarchical Variance Analysis: A Quantitative Approach for Relevant Factor Exploration and Confirmation of Perceived Tourism Impacts	5	có	International Journal of Environmental Research and Public Health/ 1660-4601, 1661-7827	ISI (3,390, Q1)	6	2020, 17, 2786	2020
13	An application of multilevel model for the analysis of factors influencing paddy field productivity in the Northern Vietnamese Mountains	5	không	Paddy and Water Environment/ 1611-2490, 1611-2504	ISI (1,517, Q2)	2	18, 153-166	2020
14	Impact of tourism development on the local livelihoods and land cover change in the Northern Vietnamese highlands	8	không	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	36	22, 1371-1395	2020
15	Stakeholder Delphi-perception analysis on impacts and responses of acid rain on agricultural ecosystems in the Vietnamese upland	4	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	5	22, 4467-4493	2020
16	Rural livelihood diversification of Dzao farmers in response to unpredictable	10	có	Environment, Development and Sustainability/	ISI (3,219, Q1)	9	22, 5387-5407	2020

	risks associated with agriculture in Vietnamese Northern Mountains today			1387-585X, 1573-2975				
17	Measuring water resource use efficiency of the Dong Nai River Basin (Vietnam): an application of the two-stage data envelopment analysis (DEA)	11	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	0		2021
18	Improving Irrigation Water Use Efficiency of Robusta Coffee (<i>Coffea canephora</i>) Production in Lam Dong Province, Vietnam	5	có	Sustainability/ 2071-1050	ISI (3,251, Q1)	2	13, 12: 6603	2021
19	Impacts of Simulated Acid Rain on the Growth and the Yield of Soybean (<i>Glycine max</i> (L.) Merr.) in the Mountains of Northern Vietnam	4	có	Sustainability/ 2071-1050	ISI (3,251, Q1)	1	13, 9: 4980	2021
20	Livelihood vulnerability to climate change in the mountains of Northern Vietnam: comparing the Hmong and the Dzao ethnic minority populations	6	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	6	23, 13469 - 13489	2021
21	Diversified responses to contemporary pressures on sloping agricultural land:	2	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	3	23, 5411- 5429	2021

	Thai farmer's perception of mountainous landscapes in northern Vietnam							
22	Drivers of land use efficiency among ethnic minority groups in Vietnam: a longitudinal study	4	có	Asia Pacific Economy/ 1354-7860, 1469-9648	ISI (1,264, Q2)	2	1-19	2022
23	Challenging slopes: Ethnic minority livelihoods, state visions, and land-use land cover change in Vietnam's northern mountainous borderlands	3	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	0	24, 2412- 2431	2022
24	Natural resource use conflicts and priorities in small islands of Vietnam	5	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	0	24, 1655- 1680	2022
25	Shifting challenges for <i>Cinnamomum cassia</i> production in the Vietnam Northern Mountains: Spatial analysis combined with semi-structured interviews	6	có	Environment, Development and Sustainability/ 1387-585X, 1573-2975	ISI (3,219, Q1)	0	24, 7213- 7235	2022

Trong đó:

- Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau PGS: **21 bài** (các bài đánh số **2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25**).
- Các chỉ số IF, Qi được trích từ nguồn SCImago tại thời điểm tháng 6/2022.

b) Các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế khác và các chương sách đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature

Ứng viên đã công bố **05 bài báo** trên các tạp chí quốc tế có phản biện và **09 chương sách** đăng trên sách chuyên khảo của NXB quốc tế uy tín Springer Nature kể từ khi được phong chức danh PGS (từ 2015).

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
II	Sau khi được công nhận PGS							
1	Spatial conflict and priority for small-scale fisheries in near-shore seascapes of the Central Coast Vietnam	6	có	Geography and Regional Planning/ 2070-1845		4	9, 28-35	2016
2	Shifting challenges for coastal green cities	5	không	Vietnam Journal of Earth Sciences/ 0866-7187, 2615-9783	ISI (Q2)	17	39(2), 109-129	2017
3	A Digital Shoreline Analysis System (DSAS) applied on mangrove shoreline changes along the Giao Thuy Coastal area (Nam Dinh, Vietnam) during 2005-2014	2	có	Vietnam Journal of Earth Sciences/ 0866-7187, 2615-9783	ISI (Q2)	22	39(1), 87-96	2017
4	Sea-level rise and resilience in Vietnam and the Asia-Pacific: A synthesis	7	có	Vietnam Journal of Earth Sciences/ 0866-7187, 2615-9783	ISI (Q2)	31	40(2), 126-152	2018
5	The Geography of Climate Change	5	có	In: Rai P.K., Singh P., Mishra V.N.				2021

	Adaptation in the Vietnam Northern Mountains: A Quantitative Analysis for Intentions of Indigenous Ethnic Minorities Using Structural Equation Modeling (SEM) and Protection Motivation Theory (PMT)			(eds) Recent Technologies for Disaster Management and Risk Reduction. Earth and Environmental Sciences Library. Springer, Cham.				
6	Analysis and Prediction of Noise Pollution from Wind Turbines: A Case Study of Loi Hai Wind Power Plant (Ninh Thuan, Vietnam)	4	không	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Springer, Cham.				2022
7	Diversity of Non-Timber Forest Products (NTFPs) in Hoang Lien— Van Ban Nature Reserve (Lao Cai, Vietnam): Implications for Local Livelihood Improvement and Biodiversity Conservation	2	không	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Springer, Cham.				2022
8	How Do Yao Farmers Cope with Extreme Weather Events with their Indigenous Knowledge? A	1	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market				2022

	Case Study of Mo Vang Mountains (Yen Bai, Vietnam)			Economies Vol. 2. Springer, Cham.				
9	Studying Shoreline Change in Ky Anh Coastal Area of Ha Tinh Province during 1989-2013 based on the Digital Shoreline Analysis System (DSAS)	1	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Springer, Cham.				2022
10	Mapping Marine Functional Zoning for the Northern Tonkin Coastal Zone, Vietnam	4	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Springer, Cham.				2022
11	Agriculture Land Conversion and its Implications for Food Requirements and Farming in Vietnamese Northern Mountains	2	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Springer, Cham.				2022
12	Carbon Footprint of Vietnam's Small Urban Areas (Ha Dong District, Hanoi)	1	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market				2022

				Economies Vol. 2. Springer, Cham.				
13	Sustainable Agriculture for Hanoi City: An Application of Thünen's Agricultural Rings Based on the Gravity Model	1	có	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 1. Springer, Cham.				2022
14	Valuing Tourism Landscapes in Ba Vi National Park (Vietnam)	3	không	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 1. Springer, Cham.				2022
15	Valuing Heritage as a Public Good: An Application of Zonal Travel Cost Method (ZTCM) in Hoi An, Vietnam	4	không	In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 1. Springer, Cham.				2022
16	Application of GIS software in local administration: the example of Con Cuong region, Nghe An province, Vietnam	6	có	The EUrASEANs: journal on global socio-economic dynamics"/ 2539-5645			1 (32), 2539-5645	2022

c) Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế và chương sách xuất bản trong nước có mã số xuất bản ISSN/ISBN

Ứng viên đã công bố **63 bài báo/báo cáo khoa học/chương sách** trên các tạp chí khoa học trong nước, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia/quốc tế và sách xuất bản trong nước có mã số xuất bản ISSN/ISBN; trong đó **46 bài** trước khi được công nhận chức danh PGS (từ 2003 đến 2014) và **17 bài kể từ khi được phong chức danh PGS** (từ 2015).

TT	Tên bài báo/ báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS								
1	Tiếp cận địa lý trong nghiên cứu phát triển nông thôn miền núi (ví dụ xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai)	5	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XIX, 4/2003, 28-37	2003
2	Land use change and related problems under urbanization in suburban area of Hanoi city (a case study of Hoang Liet commune, Thanh Tri district)	6	không	Annual Report of FY 2003			93-97	2003
3	Quan hệ giữa sự thay đổi giá trị bền vững và biến động cảnh quan nhân sinh khu vực khai thác apatit Cam Đường, Lào Cai	3	có	Tạp chí Địa chính, 0866-7705			9/2003, 20-24	2003
4	Mô hình tích hợp ALES-GIS trong đánh giá cảnh quan phục vụ phát triển cây trồng nông, lâm nghiệp huyện Sa Pa - tỉnh Lào Cai	3	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XX, 4/2004, 43-50	2004

5	Classifying small areas in Hanoi for urban landscape management - base on factor and cluster analysis method	4	không	Annual Report of FY 2004			85-93	2004
6	Phân tích cấu trúc mô hình hệ kinh tế sinh thái phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình khu vực miền núi	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, 2354-0648			2(07. 2004), 3-11	2004
7	Đặc điểm thổ nhưỡng và tài nguyên đất vùng sinh thái núi cao Sa Pa, tỉnh Lào Cai	4	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XXI, 1AP, 2005, 98-105	2005
8	Tổ chức lãnh thổ du lịch sinh thái phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	2	có	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XXI, 5AP, 2005, 35-42	2005
9	Tính đặc thù của cảnh quan ven biển Thái Bình	5	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XXI, 5AP, 2005, 50-58	2005
10	Đánh giá đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	4	không	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 1859-4581			13/ 2005, 96-99	2005
11	Mô hình tích hợp ALES-GIS trong đánh giá thích nghi sinh thái đối với cây trồng (nghiên cứu mẫu: vùng cà phê, cao su tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông)	5	không	Tạp chí Khoa học Đất, 0868-3743			3/2005, 97-102	2005
12	Tiếp cận định lượng trong nghiên cứu địa lý và ứng dụng	2	không	Tạp chí các Khoa học về Trái Đất, 0866-7187			27, 3/2005, 260-267	2005
13	Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế trang	2	không	Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân			2(09), 12/200	2005

	trại (tại các huyện Sa Pa - Bắc Hà - Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai)			văn, 2354-0648			5, 42-49	
14	Xác định sức chứa du lịch phục vụ quy hoạch phát triển du lịch bền vững huyện vùng núi cao Sa Pa	2	có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học về Môi trường và Phát triển bền vững. VNU, NEF và CRES. NXB Khoa học và Kỹ thuật			421-427	2005
15	Xác định các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường do hoạt động phát triển của thành phố Hải Phòng	3	không	Tuyển tập các báo cáo khoa học tại Hội nghị Môi trường toàn quốc 2005. Hà Nội.			502-508	2005
16	Xác lập mô hình hệ kinh tế sinh thái phục vụ phát triển bền vững vùng đệm các khu bảo vệ thiên nhiên (nghiên cứu mẫu tại cụm xã vùng đệm Vườn Quốc gia Hoàng Liên)	3	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XXII, 1/2006, 39-48	2006
17	Phân tích hiệu quả kinh tế - môi trường của các mô hình kinh tế trang trại tỉnh Lào Cai	2	không	Tuyển tập báo cáo khoa học, Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 2			611-618	2006
18	Ứng dụng phương pháp phân tích bản đồ phân loại cảnh quan đô thị thành phố Hải Phòng	4	không	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, 1859-1477			7(33), 7/2006, 53-56	2006
19	Nghiên cứu quy hoạch nguồn nước cấp cho thị xã Uông Bí đến năm 2020	7		Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			XXII, No4 AP, 87-96	2006
20	Phương pháp luận LANDEP trong nghiên cứu sinh thái	1	có	Tuyển tập các báo cáo khoa học tại			637-646	2008

	cảnh quan đô thị (nghiên cứu điển hình tại thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh)			Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 3, NXB Khoa học và Kỹ thuật.				
21	Xu thế phát triển của sinh thái cảnh quan trên thế giới và định hướng ở Việt Nam	2	có	Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2354-1075			53, 6/2008, 106-114	2008
22	Mô hình sinh thái cảnh quan nhiệt đới gió mùa Việt Nam và ứng dụng nghiên cứu đa dạng cảnh quan	3	không	Tạp chí các Khoa học về Trái Đất, 0866-7187			30, 4/2008, 545-554	2008
23	Landscape ecological planning based on change analysis: a case study of mangrove restoration in Phu Long-Gia Luan area, Cat Ba archipelago	4	có	Tạp chí khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			24(3/2008), 133-144	2008
24	Đánh giá sự biến đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường khu vực đất thấp ven biển Hà Nam, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	6	không	Trong “Đô thị Quảng Yên: truyền thống và định hướng phát triển”. NXB Thế giới.			345-363	2009
25	Yếu tố lãnh thổ và các nguồn lực tự nhiên huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	3		Trong “Đô thị Quảng Yên: truyền thống và định hướng phát triển”. NXB Thế giới.			395-411	2009
26	Ứng dụng công nghệ viễn thám và mô hình toán phân tích động lực biến đổi rừng ngập mặn khu vực Phù Long -	4	có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 1859-4581			7/2009, 120-126	2009

	Gia Luận, quần đảo Cát Bà trong giai đoạn 1965-2007							
27	Phương pháp luận và thực tiễn phân tích hiệu ích tổng thể hệ thống công trình thủy lợi vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	2	có	Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2354-1075			54, 7/2009, 118-130	2009
28	A gradient analysis for landscape change based on satellite images: a case study of Tien Lang district, Hai Phong city, Vietnam	2	có	Proceedings of the International Symposium on Remote Sensing 2009 (ISRS 2009), ISSN 1226-9743. Pusan, Korea			631-636	2009
29	Bản đồ nông nghiệp thành phố Hà Nội (tác giả độc lập)	1	có	Trong: “Atlas Thăng Long Hà Nội” (Trương Quang Hải tổng chủ biên, 117 trang)			115	2010
30	Bản đồ trồng trọt thành phố Hà Nội (tác giả độc lập)	1	có	Trong: “Atlas Thăng Long Hà Nội” (Trương Quang Hải tổng chủ biên, 117 trang)			116	2010
31	Bản đồ chăn nuôi thành phố Hà Nội (tác giả độc lập)	1	có	Trong: “Atlas Thăng Long Hà Nội” (Trương Quang Hải tổng chủ biên, 117 trang)			117	2010
32	Đánh giá cảnh quan cho mục đích phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch tại	3	có	Tuyển tập các báo cáo khoa học, Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc			39-49	2010

	khu vực có núi đá vôi tỉnh Ninh Bình			lần thứ 5. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.				
33	Phân tích chi phí - lợi ích một số loại hình đất trồng cây ăn quả lâu năm và rừng trồng tại khu vực huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	2	không	Báo cáo khoa học, Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc lần thứ 5. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.			472-482	2010
34	Impact of ethnic community diversity on forest cover changes in northern mountains of Vietnam (Editors: Parrotta and Carr)	2	có	The International Forestry Review, ISSN 1465-5489			12(5), 450	2010
35	Landscape Ecological Planning (LANDEP) based on modelling spatial processes of landscape change: a case study of Hai Phong coastal zone	1	có	Proceedings of the Southeast Asian Geography Association (SEAGA) Conference. Hanoi University of Education Publishing.			456-466	2010
36	Định lượng biến đổi cảnh quan dựa trên mô hình phân tích cụm có thứ bậc bộ chỉ số phát triển đô thị: nghiên cứu điển hình cho khu vực ngoại thành Hà Nội	1	có	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			27, 4S, 2011, 195-205	2011
37	Application of Landscape's Entropy Problem for Monitoring and Evaluating Trend of Reforestation: A Case Study of Sa Pa	1	có	Tạp chí khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			27, N4S (2011), 256-264	2011

	District, Lao Cai Province, Vietnam							
38	Thuốc đo thâm hụt sinh thái và dự trữ sinh thái: mô hình và ứng dụng cho thành phố Hà Nội mở rộng	2	có	Kỷ yếu hội thảo Địa lý toàn quốc. NXB Khoa học và Công nghệ.			263-268	2012
39	Đánh giá cảnh quan trên cơ sở mô hình ALES phục vụ định hướng phát triển cây trồng nông nghiệp huyện Đông Anh, Hà Nội	1	có	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			28, 5S/2012, 116-123	2012
40	Phân tích đa dạng cảnh quan khu vực phía Tây thành phố Hà Nội	3	có	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 0866-8612			28, 5S/2012, 135-144	2012
41	Phân vùng cảnh quan phục vụ bảo vệ và sử dụng hợp lý tại khu vực phía tây thành phố Hà Nội	3	không	Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư: “Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững”			IV, 338-347	2012
42	Terraced paddy expansion in Sapa in response to rapid population increase: remote sensing since the 1970s and accuracy assessment based on fieldwork	7	không	Symposium on Exchange and Cooperation Programmes for Promotion and Development of the Education, Science and Technology, and Culture of Developing Countries in the Asia-Pacific Region			48-55	2012
43	Ứng dụng mô hình FUZZY-AHP đánh giá cảnh quan cho phát triển cây xoài và cây trầu tại xã Cò	1	có	Kỷ yếu hội thảo Địa lý toàn quốc. NXB Đại học Thái Nguyên			569-574	2013

	Nôi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La							
44	Bẫy nghèo và chiến lược thoát nghèo cho cộng đồng địa phương: lý luận, tiếp cận địa lý và ứng dụng	1	có	Kỷ yếu hội thảo Địa lý toàn quốc. NXB Đại học Thái Nguyên.			864-869	2013
45	Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của mô hình hệ kinh tế sinh thái: Nghiên cứu áp dụng cho khu vực Tây Nguyên	5	có	Tạp chí các Khoa học về Trái Đất, 0866-7187			35, 4(2013), 327-335	2013
46	Quy hoạch cảnh quan lòng ghép thích ứng biến đổi khí hậu tại một khu vực ven biển	1	có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2615-9759			675, 8/2014, 112-117	2014
II Sau khi được công nhận PGS								
47	Định hướng quy hoạch tổng hợp không gian vùng ven biển Hải Hậu - Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	2	không	Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, 2354-0648			2(17), 2017, 20-29	2017
48	Perceived impacts of anthropogenic factors and climate change hazards on natural landscapes and cultural heritages (Bac Ha mountain, Lao Cai province, Vietnam)	5	có	Report of "Preliminary Research on ICH Safeguarding and Disaster Risk Management" project (FY 2016-2017)			175-196	2018
49	Lượng giá di sản văn hóa: cơ sở khoa học, phương pháp xác định và các kiến nghị triển khai tại Việt Nam	1	có	Kỷ yếu hội thảo Địa lý toàn quốc 2018. NXB Khoa học và Công nghệ Việt Nam			1156-1165	2018
50	Những vấn đề đất đai hiện nay vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3	không	Kỷ yếu hội thảo Địa lý toàn quốc 2018. NXB Khoa học và			1166-1175	2018

				Công nghệ Việt Nam				
51	Bảo tồn đa dạng sinh học cấp cảnh quan: giải pháp tăng cường kết nối cảnh quan và thích ứng biến đổi khí hậu	1	có	Kỷ yếu hội thảo toàn quốc về Đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.			83-94	2018
52	Đánh giá các yếu tố áp lực - thực trạng - đáp ứng (PSR) trong sử dụng tài nguyên đất tại huyện Thanh Sơn và Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	4	không	Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, 2354-0648			1(24), 3-13	2019
53	Đặc điểm các hệ sinh thái tỉnh Phú Thọ	4	không	Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ISSN 2354 - 1059			64(3), 207-216	2019
54	Phân vùng chức năng phục vụ tổ chức không gian quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ	3	không	Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, 2354-0648			4(27), 32-39	2019
55	Nghiên cứu mâu thuẫn và lựa chọn ưu tiên trong quy hoạch tổng hợp không gian ven biển huyện Hải Hậu - Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	2	không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển, 1859-3097			1, 121-127	2020
56	Ứng dụng kỹ thuật Delphi xây dựng bộ chỉ số sử dụng bền vững tài nguyên tại khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia	6	không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2615-9759			9/2020, 45-47	2020
57	Chính sách tăng trưởng xanh của Việt Nam và Đức	2	không	Nguyễn Anh Thu và Andreas			187-198	2020

				Stoffers (đồng chủ biên) “Việt Nam và Đức - Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu”. NXB ĐHQGHN				
58	Phát triển nông nghiệp tuần hoàn tại Việt Nam và Vương quốc Anh (chương 22)	2	có	Nguyễn Trúc Lê (chủ biên) “Việt Nam và Vương quốc Anh - Quan hệ kinh tế - thương mại hướng tới nền kinh tế các-bon thấp và phát triển bền vững”. NXB ĐHQGHN			452-476	2021
59	Phát triển các hệ thống nông nghiệp thông minh chống chịu biến đổi khí hậu (CSA): bài học kinh nghiệm tại Việt Nam và Vương quốc Anh (chương 23)	2	có	Nguyễn Trúc Lê (chủ biên) “Việt Nam và Vương quốc Anh - Quan hệ kinh tế - thương mại hướng tới nền kinh tế các-bon thấp và phát triển bền vững”. NXB ĐHQGHN			477-491	2021
60	Một số mô hình phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai, hoạt động nhân sinh ở khu vực ven sông Hậu (chương 7)	2	có	Nguyễn Tuấn Anh, Mai Trọng Nhuận, Nguyễn Tài Tuệ (đồng chủ biên) “Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai và hoạt động nhân sinh ở khu vực ven sông Hậu”. NXB ĐHQGHN			211-263	2021
61	Phân vùng chức năng theo tiếp cận sinh thái cảnh quan phục vụ quy hoạch	1	có	Trương Quang Học (chủ biên) “Sinh thái và phát triển xã hội sinh thái ở			781-836	2021

	phát triển bền vững (chương 19)			Việt Nam”. NXB ĐHQGHN				
62	Liên kết vùng của chuỗi giá trị hàng hóa nông lâm nghiệp trên lưu vực sông Ba, sông Côn	2	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 2588-1108			37, 1 (2021), 101- 112	2021
63	Dán nhãn sinh thái để phát triển kinh tế xanh tại khu vực vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển thế giới tại Việt Nam	3	không	Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN, 2588-1108			1, 3 (2021) 10-17	2021

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

- Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò ứng viên (Chủ trì/ tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao ngành Kinh tế phát triển đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT	Ủy viên (tham gia)	Quyết định số 2780/QĐ-ĐHKT, ngày 27/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc “ <i>Phê duyệt danh sách cán bộ thực hiện đề án xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao ngành Kinh tế phát triển đáp ứng thông tư 23/2014/TT-BGDĐT</i> ”	ĐHQGHN	Quyết định số 1023/QĐ-ĐHQGHN, ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Giám đốc ĐHQGHN về việc “ <i>Phê duyệt Đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thu học phí theo chi phí đào tạo và đảm bảo chất lượng (Đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT)</i> ”	Có minh chứng văn bản kèm theo

2	Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển trình độ đại học thu học phí theo định mức kinh tế kỹ thuật	Tổ trưởng (chủ trì)	Quyết định số 1867/QĐ-ĐHKT ngày 25/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc “Thành lập tổ soạn thảo các đề án mở chương trình đào tạo trình độ đại học thu học phí theo định mức kinh tế kỹ thuật”	ĐHQGHN ủy quyền thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo định mức kinh tế - kỹ thuật cho Trường Đại học Kinh tế	Quyết định số 4327/QĐ-ĐHKT, ngày 28/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc “Ban hành đề án điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển”	Có minh chứng văn bản kèm theo
---	---	---------------------	---	--	---	--------------------------------

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

- Đây đủ

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn An Thịnh